

Bản án số 01/2019/HC-ST

Ngày 25 - 4 - 2019

V/v yêu cầu hủy quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phồn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Đăng

Ông Nguyễn Hồ Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Bà Trương Thị Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số 04/2018/TLST-HC ngày 17 tháng 01 năm 2018 về việc “Yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 02/2019/QĐXXST-HC ngày 06 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967; địa chỉ: Xóm 6, xã Q, huyện Q1, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm 13, xã Quỳnh Th, huyện Q1, tỉnh Nghệ An; theo Giấy ủy quyền ngày 21 tháng 11 năm 2017; có mặt tại phiên tòa.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Q1, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ: Khối 3, thị trấn Cầu Giát, huyện Q1, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn B; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q1, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Đặng Ngọc B; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q1, tỉnh Nghệ An; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm 5, xã Q, huyện Q1, tỉnh Nghệ An; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm 8, xã Q, huyện Q1, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1964; địa chỉ: Khối 7, thị trấn C, huyện Q1, tỉnh Nghệ An; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 7, xã QH, huyện Q1, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến tại phiên đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Văn T trình bày:

Bố mẹ ông T là cụ ông Nguyễn L (sinh năm 1930) và cụ bà Phạm Thị Hn (sinh năm 1925) kết hôn với nhau, định cư trên mảnh đất thuộc Xóm 6, xã Q, huyện Q1, tỉnh Nghệ An; có tổng diện tích 545 m², thuộc thửa đất số 446, tờ bản đồ số 4 (bản đồ 299). Hai cụ có 06 người con chung gồm: Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn Phúc (chết khi chưa lập gia đình và chưa có con riêng). Bà B, ông A, bà D, ông H và ông T lớn lên lần lượt lập gia đình, sinh con và chuyển ra ở riêng. Bố mẹ ông T vẫn ở trên mảnh đất đó và các anh em lần lượt thay nhau săn sóc.

Năm 2005, cụ L do tuổi cao sức yếu nên qua đời. Năm 2007, cụ Hn cũng mất. Sau khi lo hậu sự cho hai cụ xong, năm anh em ông T nhất trí để mảnh đất, xây lại một căn nhà mới làm nơi thờ tự. Năm 2012, ông H (em trai ông T) đột nhiên dỡ nhà cũ của bố mẹ và xây một căn nhà mới, có mời ông T đến xây cùng và ông T cũng góp sức để xây nhà. Xây xong nhà thờ, vào đầu tháng 10 năm 2012, ông T đề nghị trang trí lại nhà thờ, mua một số bàn ghế, vật dụng chuyển vào nhà thờ để tiện sửa soạn cúng bố mẹ trong các dịp lễ tết thì ông H tuyên bố phần đất này đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H và ông A. Ông T có đến hỏi Ủy ban nhân dân xã Q thì được thông báo là năm 2009, ông H và ông A cầm bản di chúc của cụ Hn để lại, với nội dung: Chia cho ông H và ông A mỗi người một nửa, trích lại phần nhà ở làm nơi thờ phụng. Dựa vào bản di chúc đó, ông H và ông A làm thủ tục để ngày 30 tháng 7 năm 2009, Ủy ban nhân dân huyện Q1, tỉnh Nghệ An đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 502862 đối với thửa đất số 844, tờ bản đồ số 116-71, diện tích 485 m² mang tên ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn H.

Ông T cho rằng bản di chúc của cụ Hn do một người khác viết thay, chỉ có

chữ ký thay của người viết, hoàn toàn không có chữ ký hay điểm chỉ của cụ Hn. Sau khi cụ L và cụ Hn qua đời, ông H và ông A không công bố bản di chúc mà tự ý đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, ông T cũng cho rằng việc cụ L tự ý cho ông A và ông H hưởng toàn bộ di sản do bố mẹ để lại là không hợp pháp bởi vì cụ L mất không để lại di chúc thì phần toàn bộ tài sản của cụ L để lại được xem là tài sản chung và phải chia thừa kế theo pháp luật cho 06 đồng thời kế gồm cụ Hn và 05 anh chị chứ cụ Hn không thể tự ý cho phần tài sản của cụ L khi chưa có sự đồng ý của tất cả các đồng thừa kế còn lại.

Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 502862 cấp ngày 30 tháng 7 năm 2009 đối với thửa đất số 844, tờ bản đồ 116-71, diện tích 485 m² mang tên ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn H tọa lạc tại Xóm 6, xã Q, huyện Q1, tỉnh Nghệ An.

Tại phiên tòa, ông T bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần Quyết định số 5953/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2009 đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn H.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Q1, tỉnh Nghệ An trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Năm 2009, Ủy ban nhân dân huyện Q1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 502862 theo Quyết định số 5953/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2009 cho ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn H được sử dụng thửa đất số 844, tờ bản đồ số 116-71 (bản đồ địa chính), diện tích 485 m² (trong đó 300 m² đất ở và 185 m² đất trồng cây hàng năm) tại Xóm 6, xã Q, huyện Q1.

- Về thành phần hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 502862 theo Quyết định số 5953/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2009 cho ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn H được sử dụng thửa đất số 844, tờ bản đồ số 116-71 (bản đồ địa chính), diện tích 485 m² (trong đó 300 m² đất ở và 185 m² đất trồng cây hàng năm) tại Xóm 6, xã Q, huyện Q1; Bản di chúc của bà Phạm Thị Hn sinh năm 1925 (mẹ của ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn H) được Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Yên chứng thực ngày 22 tháng 9 năm 2016; Giấy chia tài sản của bà Phạm Thị Hn; Phần diện tích tổng thể được giao cho hộ ông Nguyễn L xóm 6, xã Q, trong đó có thể hiện thửa đất thổ cư thuộc thửa 446, tờ bản đồ số 4, diện tích 546 m²; Phiếu chuyển thông tin địa chính do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất ngày 20 tháng 5 năm 2009; Tờ khai lệ phí trước bạ nhà đất do ông Nguyễn Văn A kê khai ngày 07 tháng 4 năm 2009; Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 6 năm 2009;

Thông báo nộp tiền lệ phí trước bạ nhà, đất của Chi cục Thuế Q1 số 1216/TB-CCT ngày 29 tháng 5 năm 2009; Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05 tháng 6 năm 2008 của ông Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn H nhưng chỉ có ông Nguyễn Văn A ký; Trích lục bản đồ địa chính của thửa đất 844, tờ bản đồ 116-71, diện tích 485 m² của ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn H.

- Nguồn gốc đất: Căn cứ vào phần xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Q tại Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05 tháng 6 năm 2008 của ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn H thì thửa đất trên có nguồn gốc là đất của bố mẹ ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn H để lại.

- Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện Q1: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn H chưa đảm bảo, bởi vì:

Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn H thì trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông A và ông H thuộc trường hợp cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ căn cứ vào bản di chúc của cụ Phạm Thị Hn để lại là chưa đúng quy định của pháp luật. Bởi vì thửa đất là tài sản chung của cụ Phạm Thị Hn và cụ Nguyễn L (chồng cụ Hn). Trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn A không có giấy chứng tử của cụ Nguyễn L, không có di chúc hay văn bản phân chia tài sản thừa kế của cụ L hoặc văn bản từ chối tài sản thừa kế của cụ L để lại của những người được thừa kế. Bản di chúc của cụ Phạm Thị Hn được Ủy ban nhân dân xã Q chứng thực ngày 22 tháng 9 năm 2016 không đảm bảo về thừa kế quyền sử dụng đất quy định tại Điều 735 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện căn cứ di chúc của cụ Hn để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn H là chưa đảm bảo đảm quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, tại đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có ông Nguyễn Văn A ký vào đơn, không có chữ ký của ông Nguyễn Văn H.

Cụ Nguyễn L chết không để lại di chúc thì phần tài sản của cụ được chia cho cụ Hn và 05 người con của ông bà, việc định đoạt của cụ L phải có sự thống nhất của tất cả các thành viên trong gia đình. Văn bản phân chia tài sản ngày 19 tháng 9 năm 2006 không đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tại cuộc họp phân chia này, cụ Hn có mời người làm chứng ký trong biên bản, cụ Hn đã quyết định cho toàn bộ tài sản bao gồm cả phần của cụ L cho ông A và ông H là không đúng. Cụ Hn chỉ có quyền cho ông A và ông H phần tài sản của mình nhưng bà lại lập di chúc chia cả tài sản của cụ L là không đúng. Ngoài ra, trong văn bản phân chia có ghi: “có kèm theo bản phân chia tài sản đã được các thành viên trong gia đình ký nhận” nhưng văn bản này hiện có lưu trữ trong hồ sơ nhưng có ghi lưu tại Ủy ban nhân dân xã”. Nếu có văn bản phân chia tài sản như trên thì xác định rõ được việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông A và ông H.

Quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện Q1 là nếu các bên không thỏa thuận được thì đề nghị Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận của Ủy ban liên quan đến phần tài sản của cụ L, vẫn giữ nguyên quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tài sản của cụ Hn đã cho ông H và ông A.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị D nhất trí với ý kiến của ông T, đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông A và ông H để chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H có đơn trình bày: Năm 1998, bố mẹ ông A là cụ Nguyễn L và cụ Phạm Thị Hn có hai mảnh đất tại Xóm 6 và Xóm 7, xã Q, huyện Q1, tỉnh Nghệ An. Lúc đó, ông A và ông T đã cưới vợ; ông T được cụ L cho ở trên mảnh đất tại Xóm 7 còn ông A được ở trên mảnh đất tại Xóm 6 cùng với bố mẹ. Năm 2001, ông T đã bán mảnh đất bố mẹ cho và đến năm 2002, ông T mua đất tại Xóm 5 (xã bán theo tiêu chuẩn 02 con dâu). Việc ông T làm đơn khởi kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 502862 mang tên ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn H là không đúng, bởi vì ông T đã được bố mẹ (cụ L và cụ Hn) cho mảnh đất tại Xóm 7, xã Quỳnh Yên và được mua đất ở trong diện 02 dâu tại Xóm 5, xã Q. Ông H đề nghị Tòa án xem xét trả lại đơn khởi kiện của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn A vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và cũng không có văn bản nêu ý kiến.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định tư cách đương sự; xác minh, thu thập chứng cứ; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại; cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại Điều 41, Điều 166, Điều 167, Điều 169, Điều 172, Điều 176, Điều 177, Điều 178, Điều 179, Điều 180, Điều 186, Điều 188, Điều 189 và Điều 191 Luật Tố tụng hành chính. Quyền tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa được bảo đảm theo quy định tại Điều 175 Luật Tố tụng hành chính.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác: Người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị B) đã chấp hành đúng quy định tại Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 60 và Điều 157 Luật Tố tụng hành chính. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn A và ông

Nguyễn Văn H đã không chấp hành đúng quy định tại Điều 55, Điều 58 và Điều 157 Luật Tổ tụng hành chính.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 502862 và hủy một phần Quyết định số 5953/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2009 đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn H, buộc Ủy ban nhân dân huyện Q1, tỉnh Nghệ An thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện của người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Xét thấy, người đại diện của người bị kiện và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị D) đã có đơn xin xét xử vắng mặt; một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác (ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn H) vắng mặt không có lý do nhưng đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ Điều 157, Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy một phần Quyết định số 5953/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2009 đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn H. Xét thấy, Quyết định số 5953/QĐ-UBND là quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 21 hộ gia đình, cá nhân tại xã Q, Q2, thị trấn H, trong đó có ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn H; do đó, việc bổ sung yêu cầu khởi kiện này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 173 và Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính nên cần được chấp nhận để xem xét trong vụ án. Người đại diện của người bị kiện vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

[3] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền xét xử vụ án: Ngày 30 tháng 7 năm 2009, Ủy ban nhân dân huyện Q1, tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 5953/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã Q, Q2, thị trấn H cho các hộ gia đình cá nhân (trong đó có ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn H) và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 502862 đối với thửa đất số 844, tờ bản đồ số 116-71, diện tích 485 m² tại Xóm 6, xã Q, huyện Q1, tỉnh Nghệ An cho ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn A. Cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Q1, tỉnh Nghệ An là không đúng pháp luật, ông Nguyễn Văn T khởi kiện đề

ngợi Tòa án hủy một phần quyết định và giấy chứng nhận đã cấp cho ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn A. Xét thấy, Quyết định số 5953/QĐ-UBND và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 502862 là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án trong vụ án hành chính quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính. Đây là các quyết định hành chính do Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

Quyết định số 5953/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện Q1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 502862 được ban hành và cấp cho ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn A ngày 30 tháng 7 năm 2009. Ông Nguyễn Văn T biết được việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào tháng 10 năm 2017 và đến ngày 08 tháng 12 năm 2017, ông T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An là trong thời hiệu khởi kiện 01 năm quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, các ý kiến, yêu cầu của người đại diện của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về nguồn gốc thửa đất số 844, tờ bản đồ số 116-71, diện tích 485 m² tại Xóm 6, xã Q, huyện Q1, tỉnh Nghệ An: Căn cứ vào ý kiến trình bày và các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp thì thửa đất thuộc quyền sử dụng của cụ Nguyễn L và cụ Phạm Thị Hn. Cụ L chết năm 2005, cụ Hn chết năm 2007, thửa đất trở thành di sản thừa kế của cụ L và cụ Hn để lại chưa được chia. Đến ngày 30 tháng 7 năm 2009, Ủy ban nhân dân huyện Q1, tỉnh Nghệ An đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn H.

Về thẩm quyền ban hành quyết định và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ủy ban nhân dân huyện Q1 là cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai tại địa phương theo thẩm quyền của pháp luật. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật Đất đai năm 2003: “2. Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở” thì việc Ủy ban nhân dân huyện Q1, tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 5953/QĐ-UBND và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 502862 là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thể hiện rõ thời gian Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Q1 nhận được hồ sơ hợp lệ, đồng thời, ông Nguyễn Văn A cũng không có khiếu nại gì. Tuy nhiên, ông A

nộp đơn yêu cầu ngày 05 tháng 6 năm 2008 nhưng đến ngày 30 tháng 7 năm 2009, Ủy ban nhân dân huyện Q1 mới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa thực hiện đúng thời hạn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 123 Luật Đất đai năm 2003.

Về hình thức của quyết định và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn H được Ủy ban nhân dân huyện Q1 thực hiện bằng một quyết định hành chính là Quyết định số 5953/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2009 và được thể hiện bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 502862. Quyết định và giấy chứng nhận đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q1 ký thay mặt và có đóng dấu của Ủy ban nhân dân huyện Q1 là đúng quy định của Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003, Điều 48 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 41 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai.

Về nội dung của quyết định và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Quyết định số 5953/QĐ-UBND và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 502862 ngày 30 tháng 7 năm 2009 có nội dung chứng nhận ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng thửa đất số 844, tờ bản đồ số 116-71 (theo bản đồ địa chính), diện tích 485 m² (300 m² đất ở nông thôn, 185 m² đất trồng hàng năm) tại Xóm 6, xã Q, huyện Q1, tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên, thửa đất này là tài sản chung của cụ Nguyễn L và cụ Phạm Thị Hn khi còn sống và trở thành di sản thừa kế sau khi hai cụ chết. Những người có quyền thừa kế di sản của cụ L và cụ Hn để lại gồm bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn T.

Cụ L chết không để lại di chúc. Ngày 19 tháng 9 năm 2006, cụ Hn lập di chúc (do ông Phạm Lh viết hộ và ông Nguyễn N làm chứng) định đoạt di sản thừa kế, chia cho ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn H mỗi người được quyền sử dụng một nửa thửa đất còn nhà ở để làm nơi thờ phụng. Di chúc được lập thành 03 bản có giá trị nội dung như nhau và được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q1, tỉnh Nghệ An ngày 22 tháng 9 năm 2006, đảm bảo về mặt hình thức theo quy định pháp luật. Việc lập di chúc đã vượt quá phạm vi định đoạt di sản thừa kế, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế khác, trong đó có người khởi kiện ông Nguyễn Văn T. Năm 2008, ông A đã tiến hành kê khai, Ủy ban nhân dân huyện Q1, tỉnh Nghệ An căn cứ bản di chúc của cụ Hn để ban hành quyết định và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn H là không đúng pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện Q1, tỉnh Nghệ An đề nghị Tòa án chỉ hủy một phần giấy chứng nhận liên quan đến phần tài sản của cụ L và vẫn giữ nguyên quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tài sản của cụ Hn đã cho

ông H và ông A. Tuy nhiên, do thửa đất thuộc loại tài sản chung hợp nhất, phần quyền sở hữu của mỗi chủ sở hữu chung không được xác định đối với tài sản chung nên không thể xác định phần tài sản của cụ L và cụ Hn là được quyền sở hữu, quyền sử dụng là bao nhiêu. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, không chấp nhận ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện Q1, tỉnh Nghệ An; hủy một phần Quyết định số 5953/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2009 đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn H và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 502862, buộc Ủy ban nhân dân huyện Q1, tỉnh Nghệ An thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm, do yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí Hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật; hoàn trả lại cho người khởi kiện số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 48, khoản 2 Điều 51, khoản 2, khoản 3 Điều 123 Luật Đất đai năm 2003; Điều 41 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003; Điều 631, Điều 632, Điều 633, Điều 634, Điều 635, Điều 674, điểm a khoản 1 Điều 675, Điều 676, Điều 685 Bộ luật Dân sự năm 2005; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T:

- Hủy một phần Quyết định số 5953/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện Q1, tỉnh Nghệ An “về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã Q, Q2, thị trấn H cho 21 hộ gia đình, cá nhân”; Cụ thể: Hủy phần quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 844, tờ bản đồ số 116-71, diện tích 485 m² (300 m² đất ở, 185 m² đất vườn) tại Xóm 6, xã Q, huyện Q1, tỉnh Nghệ An cho ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn H, địa chỉ thường trú: Xóm 6, xã Q, huyện Q1, tỉnh Nghệ An;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 502862 ngày 30 tháng 7 năm 2009 mang tên ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn H;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện Q1, tỉnh Nghệ An thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc Ủy ban nhân dân huyện Q1, tỉnh Nghệ An phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hành chính sơ thẩm; trả lại cho ông Nguyễn Văn T 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000642 ngày 15 tháng 01 năm 2018.

3. Người khởi kiện có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Phồn